

# PHÂN TÍCH TÁC PHẨM HỊCH TƯỚNG SĨ CỦA TRẦN QUỐC TUẤN

## 1. Em hãy phân tích văn bản Hịch tướng sĩ

Nhắc tới Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là chúng ta nhắc tới một vị tướng uy dũng, văn võ toàn tài và có công rất lớn trong công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thắng lợi. Có thể nói, ông là minh chứng cho sự hội tụ hào khí Đông A của triều đại nhà Trần. Đoán trước được lòng quyết tâm phục thù trở lại xâm lược lần hai của quân Nguyên, Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương đã chủ động mở cuộc duyệt binh lớn ở Đông Thăng Long vào tháng 9 năm 1284 và công bố bài Hịch "Dụ chư tì tướng hịch văn" (tức Hịch tướng sĩ). Mục đích của bài hịch là khích lệ, kêu gọi tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu của tướng sĩ nhà Trần đồng lòng dốc sức nhất tề đứng lên chống lại quân xâm lược; đồng thời kêu gọi các tướng sĩ ra sức học tập cuốn "Binh gia diệu lí yếu" (Binh gia yếu lược) do chính ông biên soạn để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu chống quân Nguyên lần hai. Bài Hịch không những có giá trị lịch sử quan trọng mà còn là một tác phẩm văn học trung đại độc đáo của thơ văn Lý - Trần thời kì đó.

Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch thường được viết theo hình thức văn biền ngẫu, kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn. Cấu trúc chung của bài Hịch thường gồm bốn phần những vẫn có thể thay đổi linh hoạt cho phù hợp với mục đích và nghệ thuật lập luận của tác giả. Bài "Hịch tướng sĩ" có những sáng tạo linh hoạt trong cấu trúc, bao gồm có hai phần: nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. Tuy được viết theo thể Hịch nhưng đây là áng văn chính luận xuất sắc, lời văn thống thiết, hình ảnh giàu biểu cảm, mang đậm chất trữ tình.

Qua bài hịch, Trần Quốc Tuấn không chỉ thể hiện lòng căm thù sục sôi quân cướp nước mà còn thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng, quyết xả thân cho độc lập dân tộc. Ông vạch ra hai con đường chính - tà cũng là một con đường sống chết để thuyết phục tướng sĩ. Trần Quốc Tuấn biểu lộ một thái độ dứt khoát: hoặc là địch hoặc là ta, không có vị trí chông chênh cho những kẻ bàng quan trước thời cuộc. "Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gươm tay mà không chịu thua giặc. Nếu vậy rồi đây sau khi giặc đã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa?", đó là lời động viên tới mức cao nhất ý chí và quyết tâm chiến đấu của mọi người.

Tình yêu thương chân thành, tha thiết dành cho tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn đều được xuất phát từ lòng nhân hậu từ lòng yêu nước. Với quân sĩ dưới quyền, Trần Quốc Tuấn luôn đối xử như với con mình, với những người quen: "Các người cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười". Đó là mối ân tình giữa chủ và tướng nhằm khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với lẽ vui tôi cũng như tình cốt nhục. Chính tình yêu thương tướng sĩ chân thành tha thiết mà Trần Quốc Tuấn đã phê phán những biểu hiện sai, đồng thời chỉ ra cho tướng sĩ những hành động đúng nên theo, nên làm. Những hành động này đều xuất phát từ ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đó là sự bản khoăn trước tình trạng tướng sĩ không biết lo lắng cho đất nước: không thấy lo, thấy thẹn khi nhà vua và đất nước bị kẻ thù làm nhục; chỉ biết vui thú tiêu khiển, lo làm giàu, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát,...

Nguy cơ thất bại rất lớn khi có giặc Mông Thái tràn sang: "cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mọo cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm,

vườn nhiều, tám thân quý nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ bìu con dúi; việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều không mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ không đuổi được quân thù, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!". Chính lòng yêu nước mà Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cho tướng sĩ những hành động nên làm: "Nay ta bảo thật các người: nên nhớ câu "đặt mỗi lửa vào giữa đông củi là nguy cơ, nên lấy điều "kiềm canh nóng mà thổi rau nguội" "làm run sợ, huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên".

Về mặt nghệ thuật, có thể nói bài Hịch đã đạt tới trình độ mẫu mực của thể văn chính luận. Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, có lớp lang, theo trình tự tăng tiến cho tới khi kết thúc tác phẩm. Giọng văn biến đổi linh hoạt: khi thì nhẹ nhàng trò chuyện tâm tình thân mật (đoạn 1); khi lại đau xót uất ức, căm hờn (đoạn 2); lúc lại hào sảng, tươi vui (đoạn 3); khi lại nghiêm khắc, rắn rỏi (đoạn 3 và đoạn cuối). Ngoài ra, bài Hịch còn sử dụng rất tài tình thể văn biến ngẫu với các cặp câu cân xứng nhịp nhàng, đăng đối hô ứng nối tiếp nhau trong văn bản, giúp ý tứ được tung hứng tài tình, thắt buộc chặt chẽ, dẫn dắt người đọc đến mục đích cuối cùng của người viết. Phép trùng điệp, liệt kê kết hợp với các câu hỏi tu từ càng làm tăng thêm sức biểu cảm cho bài hịch. Bên cạnh đó, ngôn ngữ hình ảnh bài hịch cũng rất phong phú, sinh động, giàu sức gợi (khi nói về bọn giặc, tác giả sử dụng ngôn ngữ vật hóa: uốn lưỡi cú diều, đem thân dê chó, đem thịt mà nuôi hổ đói...). Và trong bài, tác giả cũng sử dụng khá nhiều những điển cố, điển tích những rất dễ hiểu, hài hòa, tự nhiên... Tất cả đã góp phần làm nên thành công của bài Hịch.

Tóm lại, "Hịch tướng sĩ" là một văn bản không những có ý nghĩa lịch sử: phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng của quân dân ta trong công cuộc bảo vệ biên cương, bờ cõi, mà văn bản còn là một tác phẩm văn học, một áng văn chính luận mẫu mực, bậc thầy, rất xứng đáng là "áng thiên cổ hùng văn" của muôn đời.

## 2. Bình giảng tác phẩm Hịch tướng sĩ

Trần Quốc Tuấn (1231 - 1300) - người đã được vua Trần giao cho thống lĩnh quân đội, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thắng lợi vẻ vang. Người nổi tiếng là biết trọng kẻ sĩ thu phục nhân tài. Trần Quốc Tuấn là một người anh hùng dân tộc, nhà quân sự thiên tài, lòng yêu nước của ông nước thể hiện rõ qua văn bản "Hịch tướng sĩ", văn bản khích lệ tướng sĩ học tập cuốn "Binh thư yếu lược" do ông biên soạn.

Trước sự lâm nguy của đất nước, lòng yêu nước thiết tha của vị chủ soái Trần Quốc Tuấn được thể hiện ở lòng căm thù sục sôi quân cướp nước. Ta hãy nghe ông kể tội ác của giặc: "Ngó thấy sự giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, vét của kho có hạn, thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai họa về sau!". Tác giả gọi giặc là "cú diều, dê chó, hổ đói" không chỉ vạch trần sự tham lam, độc ác mà còn vạch rõ dã tâm xâm lược của giặc; thể hiện sự khinh bỉ, căm ghét tột độ. Không chỉ kể tội ác của giặc mà Trần Quốc Tuấn còn bày tỏ nỗi đau xót trước nỗi nhục của quốc thể, nỗi đau đớn xót xa. Đó là biểu hiện của sự sẵn sàng xả thân để rửa nhục cho nước, để bảo vệ nền độc lập của dân tộc, khát vọng nước xả thân cho nước: "Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".

Tình cảm ấy trước hết là lòng căm thù giặc sâu sắc, nỗi đau xót chân thành và mãnh liệt khi thấy đất nước bị giày xéo, tàn phá. Trần Quốc Tuấn đã lột tả bản chất tham lam, hống hách, tàn bạo của bọn giặc: Đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều

đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa thu bạc vàng. Thái độ của Trần Quốc Tuấn vừa căm giận vừa khinh bỉ. Để tỏ lòng căm giận và khinh bỉ của mình, tác giả đã sử dụng các hình ảnh ẩn dụ để chỉ bọn giặc, coi chúng như những loài cầm thú: cú điều, dê chó, hổ đói.

Trần Quốc Tuấn đã thấu suốt dã tâm của giặc, nhận thức rõ hiểm họa của Tổ quốc, nguy cơ của sự bại vong. Đoạn văn không những tiêu biểu cho lòng căm thù giặc, mà còn tiêu biểu cho tinh thần cảnh giác của dân tộc. Sau khi vạch trần bản chất của bọn giặc, Trần Quốc Tuấn trực tiếp bày tỏ nỗi lòng của mình: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".

Tiếp đến tác giả khơi dậy mối ân tình của mình đối với các tướng sĩ. Có thể nói, đối với các tướng sĩ dưới trướng của ngài, Trần Quốc Tuấn hiện lên như một người cha lớn hết lòng quan tâm, yêu thương, chở che, đùm bọc: "... không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa". Thậm chí trong loạn lạc thì cùng san sẻ, gánh vác hiểm nguy, cùng nhau sống chết; lúc thời bình thì cùng nhau vui cười. Mối ân tình đó được ông ví như Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước. Đây là cách khéo léo của Trần Quốc Tuấn, khi ông lấy chữ "Tình" ra đề mà thức tỉnh quân sĩ, từ đó nhắc nhở họ có ý thức, trách nhiệm đối với chủ tướng, vua tôi.

Sau khi nói về "đạo thần chủ", tác giả chuyển sang phê phán, trách móc thái độ và hành động thờ ơ, vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước tình hình nguy nan của đất nước, của chủ mình. Ông đã phân tích, chỉ ra rất nhiều những sự hưởng thụ cá nhân ích kỷ, chỉ biết trốn tránh trách nhiệm đối với đất nước của các tướng sĩ: nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến ngự sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, quyến luyến vợ con...

Để từ đó, tác giả chỉ ra hai viễn cảnh trái ngược nhau. Nếu các tướng sĩ cứ có thái độ và hành động bàng quang, vô trách nhiệm với vận mệnh của đất nước thì: mất đi tài sản đất đai, gia đình vợ con tan tác chia lìa, xã tắc tổ tông bị giày xéo; tính mạng không những không giữ được mà thanh danh còn ô uế đến muôn đời. Nhưng ngược lại, nếu các tướng sĩ chăm chỉ huấn luyện, "tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàn Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ" thì chẳng những đền được nợ nước thù nhà (bêu đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai) mà còn đem lại lợi ích cho bách gia trăm họ, cho bản thân, gia đình đến muôn đời (Thái ấp ta mãi vững bền; mà bộc lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão...tên họ các người cũng được sử sách lưu thơm). Nghệ thuật tương phản đã cho thấy hai viễn cảnh đối ngược nhau, Trần Quốc Tuấn đã đề cho các tướng sĩ tự chiêm nghiệm, suy ngẫm về sự mất – được, hại - lợi, sáng - tối mà tự chọn cho mình một đường đi đúng đắn.

Bài Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta nói chung và Trần Quốc Tuấn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Nó được thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược và những tình cảm dành cho tướng sĩ dưới trướng.

### 3. Suy nghĩ của em về văn bản Hịch tướng sĩ

Hơn bảy thế kỉ đã trôi qua, kể từ ngày Hịch tướng sĩ được công bố, âm hưởng hào hùng của nó như vẫn còn âm vang trong lòng mỗi người dân đất Việt, gieo vào lòng họ những cảm xúc mãnh liệt và niềm tự hào sâu sắc.

Hịch tướng sĩ là một áng văn nghị luận cổ của văn học trung đại Việt Nam, được viết vào giữa thế kỉ XIII, trước cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên lần thứ hai. Tác giả bài Hịch là một danh tướng kiệt xuất của triều Trần, vị chủ tướng của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ. Với trọng trách mà dân tộc giao phó đè nặng trên đôi vai, với nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, Trần Quốc Tuấn nung nấu một khát vọng cao cả: chiến thắng giặc thù, giữ yên giang sơn bờ cõi. Để khơi dậy ngọn lửa yêu nước và động viên ý chí chiến đấu trong ba quân tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã ra lời kêu gọi tướng sĩ bằng một bài Hịch bất hủ: Dụ Chư tỳ tướng hịch vân - còn gọi là Hịch tướng sĩ văn, áng hùng văn của mọi thời đại.

Chất hùng văn của Hịch tướng sĩ được tạo nên từ nghệ thuật trữ tình hùng biện và tình cảm mãnh liệt, nồng cháy trong tim người anh hùng dân tộc.

Sau khi nêu gương các tướng, các quan công yêu nước lịch sử, nhà quân sự tài ba tỏ thái độ căm ghét kẻ thù và bày tỏ nỗi lòng của mình. Trần Quốc Tuấn nêu lên tội ác của giặc: “Đi lại nghênh ngang” “uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình” “đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”, “đòi ngọc lụa, thu bạc vàng, vét của kho”. Bằng cách sử dụng những hình ảnh ẩn dụ, so sánh, giọng điệu mỉa mai, châm biếm, nhịp điệu dồn dập liên tiếp, cảm phần dồn nén lột tả sự ngang ngược, tham lam, tàn bạo của kẻ thù. Từ đó, Trần Quốc Tuấn bày tỏ nỗi lòng của mình: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm”. Tác giả bày tỏ nỗi niềm cảm tức, lo lắng, đau xót cho đất nước, cảm phần kẻ thù, sẵn sàng hi sinh tất cả vì đất nước.

Bày tỏ nỗi niềm căm phẫn kẻ thù đồng thời bài Hịch cũng chỉ ra, phê phán thái độ và hành động sai trái của các tướng sĩ, để từ đó chỉ ra những việc nên làm. Chỉ ra những hành động tầm thường, thiếu trách nhiệm của tướng sĩ: “Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức; nghe nhạc thái thường đái yến sứ ngụy mà không biết cảm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon; có kẻ mê giọng nhảm” bằng giọng điệu mỉa mai có phần khiển trách. Vì hậu quả sẽ dẫn đến nước mất nhà tan. Qua đó Trần Quốc Tuấn muốn phê phán nghiêm khắc lối sống cầu an hưởng lạc, thờ ơ vô trách nhiệm của tướng sĩ.

Bên cạnh tình cảm sôi mãnh liệt là nghệ thuật giàu sức biểu cảm. Nghệ thuật ấy được thể hiện ở cách lập luận, giọng điệu, lời văn. Cách lập luận của bài hịch hết sức chặt chẽ với sự kết hợp cả lí trí và tình cảm để thuyết phục tướng sĩ. Trần Quốc Tuấn đã nói đến ân tình sâu nặng của ông với tướng sĩ, kêu gọi tướng sĩ vì quan hệ tốt đẹp đó mà nâng cao trách nhiệm và danh dự của kẻ làm tướng, chung lòng chung sức với ông trong cuộc chiến. Trần Quốc Tuấn cũng nói tới tình cảm nhân bản thân thiết, sâu xa, cao quý, thiêng liêng nhất của mỗi con người (gia quyến, vợ con, mồ mả cha ông, tông niếu xã tắc) sẽ có kết cục bi thảm như thế nào nếu không chống nổi giặc ngoại xâm.

Giọng điệu của bài Hịch rất phong phú và linh hoạt: khi thì ôn tồn, thống thiết nghĩa nặng tình sâu, khi thì chì chiết chua cay, trách mắng nghiêm khắc, khi thì mỉa mai châm chọc. Cùng với giọng điệu là lời văn giàu cảm xúc, giàu sắc thái biểu cảm, vừa hùng hồn, vừa khúc chiết. Thêm vào đó là sự xuất hiện cái tôi trữ tình yêu nước vĩ đại Trần Quốc Tuấn. Như vậy nghệ thuật trong Hịch tướng sĩ là nghệ thuật trữ tình hùng biện rất giàu cảm xúc, hình tượng và

đầy sức thuyết phục, xứng đáng là một kiệt tác văn chương yêu nước bất hủ của thời đại chống Mông Nguyên nói riêng và mọi thời đại nói chung.

Bởi vậy Trần Quốc Tuấn đưa ra giả thiết đối lập với hành động sai trái của tướng sĩ qua việc đọc “Bình thư yếu lược” do ông soạn ra. “Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên” tích cực tra dồi binh thư, rèn luyện chăm chỉ,... thì giữ vững đất nước, tiếng thơm lưu truyền, gia đình hạnh phúc. Tác giả đưa ra hai đường lối đối lập để nêu cao tinh thần ý chí tự giác, tích cực rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì đất nước.

Qua bài “Hịch tướng sĩ”, người đọc thấy cảm phục và trân trọng Quốc Công Tiết Chế Trần Quốc Tuấn khi không chỉ là nhà quân sự tài giỏi mà còn yêu thương, lo lắng, quan tâm tới tướng sĩ thứ bậc thấp hơn để từ đó thấy được tình yêu đất nước to lớn trong ông.